

LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2013: CƠ SỞ PHÁP LÝ MỚI CHO NHỮNG BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

PGS.TS. Đoàn Năng

Nguyên Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ KH&CN

Tóm tắt:

Pháp luật về khoa học và công nghệ (KH&CN) nói chung, Luật KH&CN nói riêng, là công cụ để Nhà nước điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm tạo lập và bảo vệ trật tự, kỷ cương, phép nước trong lĩnh vực KH&CN, góp phần thúc đẩy ứng dụng, phát triển KH&CN phục vụ phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đồng thời cũng là cơ sở pháp lý để bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân cũng như của Nhà nước và xã hội trong hoạt động KH&CN.

Ý thức được vai trò quan trọng của pháp luật về KH&CN, hàng chục năm qua, Đảng ta đã chú trọng ban hành các chủ trương, chính sách với tinh thần coi phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển đất nước, KH&CN là nội dung then chốt trong hoạt động của các ngành, các cấp. Nhà nước ta cũng thường xuyên quan tâm hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN.

Luật KH&CN được Quốc hội Khóa XIII thông qua ngày 18/6/2013 (sau đây gọi là Luật KH&CN 2013) để thay thế cho Luật KH&CN được Quốc hội Khóa X thông qua ngày 09/6/2000 (sau đây gọi là Luật KH&CN 2000) và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2014. Luật KH&CN 2013 đã kịp thời thể chế hóa chủ trương, chính sách cơ bản của Đảng về phát triển KH&CN được quy định trong Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI thông qua, đặc biệt trong Nghị quyết số 20-NQ/TU của Hội nghị lần thứ 6 của BCHTW khóa XI của Đảng về “Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết TƯ6).

Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ trình bày và phân tích những điểm mới chủ yếu của Luật KH&CN 2013 (so với Luật KH&CN 2000) - đạo luật gốc, cơ sở pháp lý mới, cao nhất cho những bước đột phá trong phát triển KH&CN của Việt Nam trong những năm tới.

Từ khóa: Khoa học và công nghệ; Luật Khoa học và công nghệ; Văn bản pháp quy.

Mã số: 13112901

1. Về lời nói đầu và những quy định chung

- (1) Bỏ lời nói đầu và các điều về mục tiêu của hoạt động KH&CN, về trách nhiệm của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân đối với hoạt động KH&CN cho phù hợp với thông lệ trong công tác lập pháp hiện nay.

- (2) Bổ sung quy định để làm rõ đối tượng áp dụng Luật.
- (3) Bổ sung 01 điều về chính sách của Nhà nước phát triển KH&CN, để khẳng định rõ thái độ của Nhà nước ta đối với sự phát triển KH&CN trong giai đoạn mới.
- (4) Bổ sung 01 điều về ngày KH&CN Việt Nam nhằm tạo điều kiện phát động phong trào thi đua yêu nước trong lĩnh vực KH&CN, tôn vinh, tri ân những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển KH&CN nước nhà;
- (5) Chính sửa nội dung của các điều về phạm vi điều chỉnh của Luật, giải thích từ ngữ, nhiệm vụ hoạt động KH&CN, nguyên tắc hoạt động KH&CN, hành vi bị cấm cho chuẩn xác và phù hợp với yêu cầu mới trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực KH&CN.

2. Những điểm mới trong quy định về các tổ chức khoa học và công nghệ

- (1) Sắp xếp lại các điều về tổ chức KH&CN, bỏ các điều riêng biệt về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức nghiên cứu và phát triển, trường đại học, tổ chức dịch vụ KH&CN. Chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức KH&CN sẽ do cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tự quy định phù hợp với mục đích thành lập và các quy định của pháp luật.
- (2) Dành một điều riêng để làm rõ hình thức của tổ chức KH&CN, phân loại tổ chức KH&CN theo thẩm quyền thành lập, chức năng và hình thức sở hữu. Bỏ việc phân loại tổ chức KH&CN thành tổ chức cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp cơ sở để tránh gây ấn tượng hình thành một hệ thống tổ chức hành chính.
- (3) Quy định rõ cơ sở giáo dục đại học là tổ chức KH&CN, nhưng phải đăng ký hoạt động KH&CN và tuân thủ các quy định khác của pháp luật về KH&CN trong tổ chức và hoạt động KH&CN của mình.
- (4) Việc thành lập tổ chức KH&CN công lập (bao gồm cả tổ chức KH&CN công lập là cơ sở giáo dục đại học) phải được cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN thẩm định theo phân cấp.
- (5) Bổ sung các điều riêng về quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập; về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức KH&CN; về văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức KH&CN nước ngoài; về mục đích, nguyên tắc đánh giá, xếp hạng tổ chức KH&CN, về đánh giá tổ chức KH&CN phục vụ quản lý nhà nước; về tổ chức đánh giá độc lập.

- (6) Đối với tổ chức KH&CN có vốn đầu tư nước ngoài, không phải lập dự án đầu tư, Bộ trưởng Bộ KH&CN xem xét và thành lập.
- (7) Chính sửa các điều về quyền, nghĩa vụ của tổ chức KH&CN cho rõ và đầy đủ hơn.

3. Những điểm mới trong quy định về cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

- (1) Tất cả các quy định về cá nhân hoạt động KH&CN và đào tạo, sử dụng nhân lực KH&CN nằm rải rác trong các chương của Luật KH&CN 2000, nay được gom lại và chỉnh sửa thành một chương riêng của Luật KH&CN 2013 nhằm làm rõ, nổi bật vai trò, vị trí cá nhân hoạt động KH&CN, các chế độ, chính sách, biện pháp mới và cần thiết để đào tạo, trọng dụng nhân lực KH&CN.
- (2) Chỉnh sửa, làm rõ khái niệm chức danh nghiên cứu khoa học, bổ sung thêm chức danh công nghệ; khẳng định cá nhân hoạt động KH&CN tham gia giảng dạy, đào tạo đại học, sau đại học được xét bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học mà không giới hạn trong số những người thuộc biên chế cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học.
- (3) Chỉnh sửa các điều về quyền, nghĩa vụ của cá nhân hoạt động KH&CN rõ ràng và đầy đủ hơn.
- (4) Bổ sung quy định mới vào các điều về đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài KH&CN, phân công rõ trách nhiệm của Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN và các Bộ, ngành liên quan, chỉ rõ nguồn kinh phí, khuyến khích tài trợ cho các hoạt động đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài KH&CN.
- (5) Bổ sung điều mới với nội dung cụ thể về các chính sách đãi ngộ lương, điều kiện làm việc, phụ cấp trách nhiệm, đi dự các hội nghị, hội thảo quốc tế... đối với các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nhà khoa học trẻ tài năng. Đặc biệt, Luật KH&CN 2013 đã quy định tạo điều kiện cho nhà khoa học đầu ngành đầu tư cơ sở vật chất và nguồn nhân lực để tổ chức nghiên cứu, thực hiện ý tưởng do mình đặt ra.
- (6) Bổ sung điều mới quy định chế độ đãi ngộ đối với nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài nhằm khuyến khích, thu hút tham gia hoạt động KH&CN ở Việt Nam.

4. Những điểm mới trong quy định về xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

4.1. Xây dựng các điều riêng về nhiệm vụ KH&CN, đề xuất nhiệm vụ KH&CN, thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã thể hiện rõ tinh thần đổi mới cơ bản. Những nội dung mới thể hiện như sau:

- a, Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh phải thực hiện theo phương thức đặt hàng.
- b, Xác định rõ trên cơ sở đề xuất của các tổ chức, cá nhân, Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước khác ở trung ương tổ chức lấy ý kiến tư vấn xác định, phê duyệt, công bố công khai và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp mình; gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia về Bộ KH&CN.
- c, Bộ KH&CN có trách nhiệm tổng hợp đề xuất đặt hàng, tổ chức lấy ý kiến tư vấn về nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, phê duyệt và công bố công khai, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia.
- d, Bên cạnh việc quy định về đề xuất nhiệm vụ KH&CN, lần đầu tiên Luật quy định khuyến khích, tạo điều kiện để mọi tổ chức, cá nhân đề xuất ý tưởng khoa học; giao cho Chính phủ quy định cụ thể tiêu chí xác định nhiệm vụ KH&CN các cấp phù hợp với từng giai đoạn phát triển và lĩnh vực KH&CN cũng như các biện pháp khuyến khích đề xuất ý tưởng khoa học, nhiệm vụ KH&CN.
- e, Việc đề xuất, tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và kỹ thuật phải bao gồm nội dung triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm và dự toán kinh phí cho các hoạt động này hoặc đề xuất dự án triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm nhằm bảo đảm xóa bỏ tình trạng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chậm hoặc không được ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

4.2. Bổ sung vào các điều về phương thức thực hiện nhiệm vụ KH&CN các quy định mới sau đây:

- a, Thành phần của Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN bao gồm không chỉ nhà khoa học, nhà quản lý mà cả nhà kinh doanh có uy tín và trình độ phù hợp với nhiệm vụ để gắn chặt hơn nữa các hoạt động KH&CN với yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu

ơ quan quản lý nhà nước về KH&CN các cấp có quyền lấy thêm ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

- b, Nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức, cá nhân tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu. Trường hợp tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu thì có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN địa phương xem xét đánh giá, nghiệm thu để có cơ sở ứng dụng vào sản xuất, đời sống.

4.3. Bổ sung điều mới về việc người giao nhiệm vụ KH&CN không chỉ có trách nhiệm thành lập Hội đồng KH&CN chuyên ngành mà còn có quyền thuê tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; thành phần Hội đồng KH&CN chuyên ngành bao gồm nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ để bảo đảm tính khách quan trong đánh giá, nghiệm thu và khả năng cũng như trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc ứng dụng kết quả nghiên cứu.

4.4. Bổ sung điều mới về liên kết xác định và thực hiện nhiệm vụ KH&CN, quy định các biện pháp khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức KH&CN, nhà khoa học liên kết với doanh nghiệp và tổ chức khác để xác định, thực hiện nhiệm vụ KH&CN phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá nhằm gắn kết chặt chẽ hoạt động KH&CN với sản xuất, kinh doanh.

4.5. Bổ sung điều mới quy định rõ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ KH&CN nhằm thúc đẩy ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tránh lãng phí trong hoạt động KH&CN.

4.6. Bổ sung điều mới quy định rõ đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước, quyền của đại diện chủ sở hữu nhà nước xét giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4.7. Bổ sung điều mới quy định về phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Những điểm mới trong quy định về ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ

- (1) Các quy định về ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc mục 2 của chương “Hoạt động KH&CN” trong Luật năm 2000 nay được tách thành một chương riêng của Luật năm 2013.
- (2) Bổ sung thêm quy định để khẳng định trường hợp bên đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng không thực hiện trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời không được tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị xử lý vi phạm.
- (3) Bổ sung điều mới quy định về khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo, về truyền thông, phổ biến kiến thức KH&CN.
- (4) Giữ lại và chỉnh sửa, khẳng định rõ thêm quy định về việc các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước phải lập hạng mục chi cho ứng dụng, nghiên cứu và phát triển phục vụ xây dựng căn cứ khoa học trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và giải quyết vấn đề KH&CN phát sinh trong quá trình thực hiện; phải được thẩm định về cơ sở khoa học, trình độ công nghệ đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật trước khi phê duyệt. Các quy định này tạo ra một kênh quan trọng trong việc huy động thêm kinh phí cho hoạt động KH&CN (ngoài 2% tổng chi ngân sách hàng năm của Nhà nước cho KH&CN), bảo đảm cơ sở khoa học cho các hoạt động xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm loại trừ việc sử dụng các công nghệ lạc hậu trong các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

6. Những điểm mới trong quy định về đầu tư, tài chính phục vụ phát triển khoa học và công nghệ

6.1. Tất cả các quy định về đầu tư, tài chính, tín dụng trong Luật KH&CN 2000 đều thuộc chương chung về các biện pháp bảo đảm phát triển

KH&CN, nay được tách ra thành một chương riêng của Luật KH&CN 2013; hầu hết nội dung đều là mới so với quy định của Luật KH&CN 2000 và được chia thành 4 mục: đầu tư của Nhà nước; đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân; quỹ hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động KH&CN; ưu đãi thuế và tín dụng cho hoạt động KH&CN. Đây là chương mới, đặc biệt quan trọng, tạo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới cơ bản cơ chế đầu tư và tài chính cho hoạt động KH&CN.

6.2. Trong mục đầu tư của Nhà nước, lần đầu tiên từ trước đến nay Luật KH&CN 2013 khẳng định rõ các vấn đề sau đây:

- a, Về mức chi của Nhà nước cho KH&CN: tối thiểu bằng 2% tổng chi ngân sách Nhà nước hàng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp phát triển KH&CN;
- b, Về nguyên tắc phân bổ ngân sách nhà nước cho KH&CN: Ngân sách cho KH&CN phải được ghi thành một mục chi riêng trong mục lục ngân sách nhà nước hàng năm của bộ, ngành, địa phương; việc phân bổ ngân sách nhà nước cho KH&CN của năm sau được thực hiện trên cơ sở nhu cầu của thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ;
- c, Về mục đích chi ngân sách nhà nước cho KH&CN: bổ sung thêm một số mục đích chi như đẩy mạnh ứng dụng KH&CN tại địa phương; mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, thiết kế, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài thuộc lĩnh vực ưu tiên; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, truyền thông, thông tin, thống kê KH&CN; hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, công bố kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giải thưởng KH&CN; hỗ trợ hoạt động KH&CN khác;
- d, Về quy trình xây dựng dự toán và quản lý việc sử dụng ngân sách nhà nước cho KH&CN, Luật KH&CN 2013 quy định rõ như sau:
 - Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho KH&CN hằng năm theo quy định của pháp luật;
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập dự toán chi đầu tư phát triển KH&CN, dự toán chi sự nghiệp KH&CN theo đề xuất dự toán của Bộ KH&CN;
 - Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về KH&CN xây dựng đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho KH&CN hằng năm và đề nghị cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, tài chính tổng hợp, xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển KH&CN, dự toán chi sự nghiệp KH&CN bảo đảm chi đúng, chi đủ kinh phí đã được phân bổ.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước cho KH&CN.

- Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm cấp phát kinh phí KH&CN đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ kế hoạch KH&CN; đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí KH&CN đúng mục đích, hiệu quả.
- e, Về áp dụng khoán chi đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, Luật KH&CN 2013 quy định rõ:
- Khoán chi được áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mục tiêu, nội dung, yêu cầu về sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí;
 - Nhiệm vụ KH&CN đã xác định được rõ tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng trên cơ sở thẩm định thuyết minh và dự toán kinh phí thì được áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng;
 - Nhiệm vụ KH&CN không thể khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và những nhiệm vụ KH&CN có tính rủi ro cao thì thực hiện việc khoán chi đối với từng phần công việc đã xác định rõ tiêu chí.
- f, Về mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: chỉ trong trường hợp cần thiết, Nhà nước sẽ mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân;
- g, Về cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước:
- Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước phải kịp thời, phù hợp với tiến độ đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN;
 - Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp thông qua quỹ phát triển KH&CN của Nhà nước hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Kho bạc Nhà nước;
 - Việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo ủy nhiệm chi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN và quyết toán khi kết thúc hợp đồng, không phụ thuộc vào năm tài chính;

- h, Về cơ chế đầu tư đặc biệt thực hiện nhiệm vụ KH&CN đặc biệt: nhiệm vụ KH&CN quy mô lớn phục vụ quốc phòng, an ninh, có tác động mạnh đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm quốc gia được áp dụng cơ chế đầu tư đặc biệt.

6.3. Mục đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân: gồm các quy định làm rõ, nổi bật vai trò của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trong việc đầu tư phát triển KH&CN theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển KH&CN; làm rõ biện pháp của Nhà nước thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư của xã hội cho KH&CN. Cụ thể gồm các điều về biện pháp huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho KH&CN, về biện pháp thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp cho KH&CN, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, về biện pháp thúc đẩy phát triển doanh nghiệp KH&CN.

6.4. Mục về quỹ hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động KH&CN: gồm các quy định nhằm khẳng định Nhà nước thành lập, khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập quỹ để huy động nguồn lực xã hội nhằm hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động KH&CN; quỹ phát triển KH&CN được thành lập theo quy định của Luật này, còn quỹ đổi mới công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao được thành lập theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ, Luật công nghệ cao; cơ chế, hình thức hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động KH&CN của quỹ được thực hiện theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ.

Từng loại quỹ được quy định như sau:

- a, Quỹ phát triển KH&CN quốc gia: ngoài việc mở rộng hơn mục đích hoạt động của Quỹ này, Luật còn khẳng định nguồn vốn của Quỹ; cơ chế, hình thức hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động KH&CN của quỹ được thực hiện theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;
- b, Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thành lập để phục vụ yêu cầu phát triển KH&CN của các cơ quan này;
- c, Quỹ phát triển KH&CN của tổ chức, cá nhân là tổ chức hoạt động phi lợi nhuận, được hình thành từ nguồn vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân thành lập không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác, nhằm mục đích tài trợ không hoàn lại, cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, bảo lãnh vốn vay phục vụ yêu cầu phát triển KH&CN của tổ chức, cá nhân;
- d, Quỹ của doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước được khuyến khích thành lập Quỹ phát triển KH&CN của mình hoặc đóng góp vào Quỹ phát triển KH&CN của ngành, địa phương và được hưởng quyền lợi theo quy định của Quỹ;
- Doanh nghiệp nhà nước phải trích một tỷ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế của doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp;
- Chính phủ quy định cụ thể tỷ lệ trích thu nhập tính thuế của doanh nghiệp để thành lập quỹ và cơ chế quản lý, sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp nhà nước;
- Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích, thành lập và thông báo việc thành lập quỹ cho cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN địa phương nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp.

6.5. Về các ưu đãi thuế cho hoạt động KH&CN: Luật KH&CN 2013 đã bỏ các quy định cụ thể về thuế trong Luật năm 2000, bổ sung quy định làm rõ về các trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật cho phù hợp với yêu cầu, tạo sự thống nhất của hệ thống pháp luật về thuế. Các trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi về thuế bao gồm:

- a, Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- b, Thu nhập từ sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam; sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm;
- c, Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và một số hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao;
- d, Dịch vụ KH&CN;
- e, Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ;
- f, Kinh phí tài trợ của tổ chức, cá nhân cho hoạt động nghiên cứu khoa học; khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học;
- g, Chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- h, Các trường hợp khác được quy định tại các luật về thuế.

6.6. Các quy định về tín dụng đối với hoạt động KH&CN trong Luật năm 2000 được chỉnh sửa và bổ sung thêm cho rõ và đầy đủ hơn như sau:

- a, Tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN vay vốn trung và dài hạn để hoạt động KH&CN được hưởng lãi suất ưu đãi khi vay vốn tại Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, các quỹ khác của Nhà nước;
- b, Tổ chức, cá nhân vay vốn để đầu tư vào hoạt động KH&CN được ưu đãi về tín dụng theo điều lệ của quỹ nơi vay vốn;
- c, Tổ chức, cá nhân vay vốn tại ngân hàng thương mại để đầu tư vào hoạt động KH&CN, đặc biệt hoạt động triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm được Ngân hàng phát triển Việt Nam xem xét hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc bảo lãnh tín dụng đầu tư, dành tỷ lệ nhất định dư nợ tín dụng cho hoạt động KH&CN;
- d, Những chương trình, đề tài, dự án KH&CN phục vụ trực tiếp chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của Nhà nước và phát triển tiềm lực KH&CN quốc gia, đặc biệt dự án triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm có yêu cầu sử dụng vốn lớn, được ưu tiên xét cho sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức theo phương thức sau đây:
 - Tài trợ không hoàn lại hoặc cho vay ưu đãi đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
 - Cho vay đối với dự án đầu tư xây dựng tiềm lực KH&CN hoặc cho vay có thu hồi đối với dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

7. Những điểm mới trong quy định về xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Trong Luật KH&CN 2000, các vấn đề xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật để phát triển KH&CN, thông tin KH&CN, phát triển công nghệ cao, xây dựng và phát triển thị trường công nghệ được quy định khái quát và rải rác ở các chương khác nhau và nội dung cũng chưa rõ, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả đầu tư. Luật KH&CN 2013 dành một chương riêng cho những vấn đề này quy định rõ hơn, đầy đủ hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển KH&CN trong giai đoạn mới.

8. Những điểm mới trong quy định về hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

Luật KH&CN 2000 có một chương “Hợp tác quốc tế về KH&CN” quy định khái quát về chính sách và biện pháp phát triển hợp tác quốc tế về

KH&CN. Luật KH&CN 2013 xây dựng chương “Hội nhập quốc tế về KH&CN” để thay thế, phù hợp với những yêu cầu và xu thế mới trong hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN là không chỉ dừng ở hợp tác thụ động mà phải vươn lên để hội nhập quốc tế trong KH&CN. Chương này quy định rõ các nguyên tắc hội nhập quốc tế về KH&CN, hình thức hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN, các biện pháp thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH&CN.

9. Những điểm mới trong quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

Luật KH&CN 2000 có một chương riêng “Quản lý nhà nước về KH&CN” quy định khái quát nội dung quản lý nhà nước về KH&CN, cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN, thống kê KH&CN, thanh tra KH&CN.

Luật KH&CN 2013 xây dựng Chương “Trách nhiệm quản lý nhà nước về KH&CN” để thay thế Chương “Quản lý nhà nước về KH&CN” phù hợp với yêu cầu tạo cơ sở pháp lý cho việc kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN từ trung ương tới địa phương, thực hiện phân công, phân cấp quản lý về KH&CN rõ ràng hơn, đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức và quản lý KH&CN nêu trong Nghị quyết TW6 của Đảng về KH&CN.

Luật KH&CN 2013 bỏ quy định về nội dung quản lý nhà nước cho phù hợp với thông lệ hiện nay trong công tác lập pháp; xây dựng các quy định cụ thể về trách nhiệm của Chính phủ, của Bộ KH&CN, trách nhiệm của một số bộ liên quan đối với việc đổi mới quản lý hoạt động KH&CN, làm rõ hơn trách nhiệm của tất cả các bộ, ngành, địa phương trong quản lý nhà nước về KH&CN, đặc biệt quy định rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa một số bộ như Bộ KH&CN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong việc phân bổ, quản lý ngân sách nhà nước dành cho KH&CN, trong việc cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cho phù hợp với đặc thù và yêu cầu của sự phát triển KH&CN...

10. Những điểm mới trong quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm

Chương về khen thưởng và xử lý vi phạm được giữ lại, nhưng đã được chỉnh sửa lại về nội dung và kỹ thuật.

- Phần danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng và các hình thức khen thưởng khác của Nhà nước được chỉnh sửa theo hướng tổ chức, cá nhân có thành tích trong sự nghiệp phát triển KH&CN được phong, tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng và các hình thức khen thưởng khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Luật KH&CN 2013 chỉ quy định những vấn đề không được quy định trong

Luật Thi đua, khen thưởng như giải thưởng của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, của tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài, quyền của tổ chức KH&CN, cá nhân hoạt động KH&CN được nhận danh hiệu, giải thưởng về KH&CN do tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phong, tặng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

- Phần xử lý vi phạm cũng được chỉnh sửa cho gọn và bảo đảm kỹ thuật phù hợp với thông lệ và nội dung hệ thống pháp luật hiện hành.

Tóm lại, so với Luật KH&CN 2000, Luật KH&CN 2013 có sự thay đổi cơ bản: kết cấu, vị trí các chương, điều được bố trí sắp xếp lại rõ ràng và hợp lý hơn, làm nổi bật vị trí và vai trò của những vấn đề cơ bản cần được quy định trong Luật. Rất nhiều quy định mới được bổ sung. Tất cả những điều, khoản cũ đã được thực tiễn kiểm nghiệm còn phù hợp với yêu cầu mới thì được giữ lại và được chỉnh sửa về kỹ thuật, bổ sung thêm nội dung mới cho phù hợp với tinh thần đổi mới của Nghị quyết TƯ6.

Có thể nói, nội dung của Luật KH&CN 2013 đã quán triệt được các nguyên tắc đề ra khi xây dựng dự thảo Luật, bao gồm:

- a, Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, chính sách về KH&CN được thể hiện trong Hiến pháp và các văn kiện của Đảng từ trước đến nay:
 - Phát triển KH&CN phải thực sự là quốc sách hàng đầu;
 - KH&CN giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế.
 - Phát triển KH&CN nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.
 - Phát triển đồng bộ các lĩnh vực KH&CN gắn với phát triển văn hoá và nâng cao dân trí.
 - Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực KH&CN của đất nước, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu KH&CN hiện đại trên thế giới.
 - Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ.
- b, Tạo cơ sở pháp lý hiệu lực cao, đầy đủ, thống nhất và đồng bộ cho việc tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt

động KH&CN, xem đó là khâu đột phá để thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN; Phát huy vai trò, hiệu quả của các tổ chức KH&CN chủ lực trong việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm; Phát triển mạnh thị trường KH&CN; Đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu; Chuyển các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phương thức khoán sản phẩm KH&CN; Phát triển các doanh nghiệp KH&CN, các quỹ trong lĩnh vực KH&CN; Xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài KH&CN; Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì sự phát triển của đất nước.

- c, Luật KH&CN mới phải thực sự trở thành một đạo luật gốc trong lĩnh vực KH&CN; kế thừa các quy định pháp luật đã được thực tiễn kiểm nghiệm và còn phù hợp với yêu cầu phát triển KH&CN hiện nay và giai đoạn tới; khắc phục những hạn chế của Luật KH&CN năm 2000, bổ sung các quy định mới đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập .
- d, Bảo đảm sự tương thích của pháp luật nước ta về KH&CN với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trên thế giới và tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực KH&CN.

Tuy nhiên, vấn đề hiện nay là để Luật KH&CN năm 2013 đi vào cuộc sống và trở thành cơ sở pháp lý thực sự cho những bước đột phá trong phát triển KH&CN, đòi hỏi hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành Luật phải sớm được ban hành; nội dung các văn bản hướng dẫn thi hành phải quán triệt đầy đủ tinh thần đổi mới cơ bản, toàn diện của Nghị quyết TW6 và đã thể hiện ngay trong các quy định của Luật. Ngoài ra, tất cả các đạo luật chuyên ngành hẹp trong lĩnh vực KH&CN cũng như các quy định về/liên quan đến KH&CN trong các lĩnh vực pháp luật khác và cả hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành các đạo luật này cũng cần phải được rà soát để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tinh thần và các quy định mới của Luật KH&CN 2013. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật KH&CN số 21/2000/QH10 được Quốc hội Khóa X thông qua ngày 09/6/2000.
2. Luật KH&CN số 29/2013/QH13 được Quốc hội Khóa XIII thông qua ngày 18/6/2013.

3. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/01/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

